

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **18**/2020/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày **04** tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng
thời việc theo nguyện vọng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17 tháng 4 năm 2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ 7, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược đầy đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ;

Căn cứ Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thôi việc theo nguyện vọng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thôi việc theo nguyện vọng, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ hỗ trợ này áp dụng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh Yên Bái.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;

b) Cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;

c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

d) Người làm việc trong biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội, các quỹ;

đ) Hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan hành chính nhà nước;

e) Cán bộ đủ tuổi tái cử cấp ủy ở Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương nhiệm kỳ 2020 - 2025, nhưng tự nguyện nghỉ hưu sớm, không tái cử để cấp ủy thực hiện việc cơ cấu, sắp xếp lại và trẻ hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ;

g) Cán bộ không đủ tuổi tái cử cấp ủy ở Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương nhiệm kỳ 2020 - 2025 còn thời gian công tác từ 24 tháng đến dưới 30 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu tính tại thời điểm Đại hội.

3. Đối tượng không áp dụng

a) Các đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (trừ các đối tượng quy định tại điểm e khoản 2 Điều này);

b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

c) Cán bộ, công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh;

d) Công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; thạc sỹ; bác sỹ; được sĩ đại học trở lên;

đ) Các đối tượng đang trong thời gian thực hiện việc luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị;

e) Cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các tổ chức thuộc cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh.

4. Điều kiện áp dụng

a) Trong quá trình các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này có nguyện vọng thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản;

b) Các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này có thời gian hợp đồng làm chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Yên Bái từ trước thời điểm ngày 01 tháng 10 năm 2014, tự nguyện thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động trong năm 2019 và năm 2020, có đơn đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo quy định tại Nghị quyết này;

c) Các đối tượng quy định tại điểm e và điểm g khoản 2 Điều này có đơn xin nghỉ hưu trước tuổi và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý giải quyết cho nghỉ trước hoặc sau ngày Đại hội Đảng bộ cấp tỉnh, cấp huyện và tương đương trong năm 2020, được tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Mức hỗ trợ

a) Các đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này ngoài được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ còn được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ngoài tỉnh). Mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng/người;

b) Các đối tượng quy định tại điểm g khoản 2 Điều này ngoài được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Chính phủ còn được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ngoài tỉnh). Mức hỗ trợ tối đa không quá 100.000.000 đồng/người;

c) Các đối tượng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc thực tế có hưởng lương theo hợp đồng lao động làm chuyên môn, nghiệp vụ tại cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh Yên Bái (không tính thời gian nghỉ việc không hưởng lương để đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; nghỉ việc không hưởng lương do việc sắp xếp tổ chức bộ máy nơi làm việc; nghỉ việc không hưởng lương để chờ giải quyết thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động). Mức hỗ trợ tối đa không quá 100.000.000 đồng/người.

6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương.

7. Thời gian thực hiện

a) Chế độ hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này được áp dụng từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021;

b) Chế độ hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại điểm đ, e, g khoản 2 Điều này được áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thời việc theo nguyện vọng.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 04 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND&UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Chánh, Phó Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Lưu: VT, BPC.

CHỦ TỊCH**Phạm Thị Thanh Trà**

